

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-ST

Ngày: 20-9-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua

bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Kim Mến;

Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2021/QĐST-DS ngày 06/9/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang S, sinh năm 1993. Là người đại diện của Hộ kinh T. Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Gia A, sinh năm 1995 (có mặt). Địa chỉ: xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1966 (có mặt); bà Phạm Thị O, sinh năm 1965 (có mặt). Cùng địa chỉ: xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2021, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Dương Gia A trình bày:*

Vào ngày 04/04/2019, vợ chồng ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O cùng Hộ kinh T có thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản bằng lời nói

nhằm mục đích để ông H và bà O nuôi tôm. Đến ngày 18/02/2020, hai bên tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản bằng văn bản.

Theo thỏa thuận thì bên ông S bán cho bên ông H và bà O các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể, bên ông S giao hàng cho ông H và bà O tại kho hàng của Hộ kinh T theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông H và bà O nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông H và bà O phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho bên ông S. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho ông H và bà O và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì bên ông S không chịu trách nhiệm nữa.

Về phương thức thanh toán, trong mọi trường hợp ông H và bà O phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên ông S khi thu hoạch tôm, nếu tôm chết trước thời hạn thu hoạch thì ông H và bà O vẫn phải thanh toán dứt điểm công nợ cho bên ông S. Trong trường hợp ông H và bà O không thanh toán hết phần công nợ cho bên ông S khi thu tôm, ông S có quyền cắt hàng, đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn và yêu cầu ông H và bà O phải thanh toán toàn bộ tiền hàng mà ông H và bà O còn thiếu đến thời điểm ngừng giao dịch.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên ông S đã nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông H và bà O theo đúng đơn hàng của ông H và bà O yêu cầu. Sau khi nhận hàng, ông H và bà O đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của hai bên và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên ông S. Tuy nhiên, ông H và bà O đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu là thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên ông S sau khi thu hoạch tôm được quy định tại khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng. Cụ thể, căn cứ theo Bảng đối chiếu xác nhận công nợ được hai bên ký vào ngày 14/12/2020, bà O xác nhận vẫn còn nợ bên ông S số tiền 70.536.000 đồng. Do đó, vào ngày 14/12/2020 ông S đã quyết định chấm dứt Hợp đồng với ông H và bà O.

Nay ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O trả cho ông S số tiền nợ gốc là 70.536.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 15/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật cho đến khi trả hoàn tất nợ. Yêu cầu ông H và bà O phải thanh toán số tiền trên cho ông S một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*- Tại phiên hoà giải ngày 15/6/2021, bị đơn ông Phạm Thanh H trình bày:*

Ông và vợ ông là bà Phạm Thị O có mua thức ăn nuôi tôm của Hộ kinh T do ông Trần Quang S đại diện, mua vào năm 2019, sau đó thì ông S không bán thức ăn nuôi tôm cho vợ chồng ông nữa. Khi đối chiếu công nợ vào ngày 14/12/2020 thì ông và bà O còn nợ ông S số tiền 70.536.000 đồng là đúng. Nay vợ chồng ông đồng ý trả số nợ này nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả, khi nào trúng tôm có tiền thì vợ chồng ông trả từ từ. Đối với số tiền lãi ông và bà O không đồng ý trả vì khi bán thức ăn nuôi tôm cho ông thì ông S đã tính tiền lời rồi, ông không đồng ý trả lãi nữa.

- *Tại phiên hoà giải 15/6/2021, bị đơn bà Phạm Thị O trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Thanh H. Khi đối chiếu công nợ vào ngày 14/12/2020 thì bà và chồng bà ông Phạm Thanh H còn nợ ông S số tiền 70.536.000 đồng là đúng. Nay vợ chồng bà đồng ý trả số nợ này nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả, khi nào trúng tôm có tiền thì vợ chồng bà trả từ từ.

Đối với số tiền lãi thì bà và ông H không đồng ý trả vì khi bán thức ăn nuôi tôm cho vợ chồng bà thì ông S đã có tiền lời rồi, vợ chồng bà không đồng ý trả lãi nữa.

- *Tại phiên toà ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O trình bày:*

Ông bà thống nhất còn nợ ông S số tiền 70.536.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày nhưng nay ông bà yêu cầu trừ lại số tiền 50% của số tiền 21.000.000 đồng, tức là yêu cầu trừ lại số tiền 10.500.000 đồng do ông bà mua tôm giống của ông Th (ông Th là nhân viên công ty T) Trước đây ông bà mua tôm giống của ông Th nhưng nuôi bị thất, khi đó ông Th có thoả thuận khi nào nuôi tôm lỗ thì ông Th trả lại 50 % tiền tôm giống. Và ông bà yêu cầu trừ 5% chiết khấu tiền thức ăn nuôi tôm còn nợ của ông S. Sau khi trừ hai khoản trên ra còn bao nhiêu thì ông bà xin trả dần.

- *Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Việc mua bán tôm giống là việc mua bán riêng của ông Th (ông Th là nhân viên công ty T) và ông H và bà O. Ông S đại diện Hộ kinh T chỉ bán thức ăn nuôi tôm, thuộc chứ không có bán tôm giống nên ông S không có trách nhiệm trong việc mua tôm giống của ông H bà O. Đối với việc trừ 5% chiết khấu tiền thức ăn nuôi tôm thì trong trường hợp ông H bà O trả hoàn tất nợ thì ông S mới xem xét trừ lại cho ông H bà O tiền chiết khấu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O trả số tiền nợ mua bán mua thức ăn và thuốc thủy sản cho ông S là 70.536.000 và tiền lãi tính từ ngày 15/12/2020 (là sau ngày đối chiếu công nợ) cho đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm và yêu cầu trả lãi chậm trả cho đến khi trả hoàn tất nợ. Tuy nhiên ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 70.536.000 đồng sau khi đã trừ tiền tôm giống là 10.500.000 đồng và trừ tiền chiết khấu, không đồng ý trả tiền lãi.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Quang S:

Đối với tiền nợ mua bán: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O trả số tiền nợ gốc là 70.536.000 đồng. Tại phiên hoà giải ngày 15/6/2021 và tại phiên toà bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O thừa nhận khi đối chiếu công nợ vào ngày 15/12/2020 thì ông bà còn nợ ông S số tiền 70.536.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Theo bảng đối chiếu xác

nhận công nợ tháng 12/2020 và sổ ghi chép việc mua bán thức ăn nuôi tôm nguyên đơn cung cấp cho Toà án cũng thể hiện ông H bà O còn nợ ông S số tiền 70.536.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O còn nợ ông Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh T số tiền là 70.536.000 đồng là sự thật, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc cho nuôi thủy sản là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Ông Trần Quang S đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O. Ông H bà O đã nhận đủ tài sản do ông S chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông H bà O chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông S theo thỏa thuận và ông H bà O còn nợ của ông S số tiền là 70.536.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trần Quang S yêu cầu ông H bà O trả số tiền nợ 70.536.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc 70.536.000 đồng từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 15/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi chậm trả cho đến khi hoàn trả hết nợ. Theo hợp đồng mua bán hàng hoá ngày 18/02/2020 giữa ông Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh T và ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O thì hai bên không thỏa thuận lãi. Nay ông Trần Quang S yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả thì lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tức 10%/năm. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 15/12/2020 là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi được tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/9/2021, cụ thể như sau: 70.536.000 đồng x 10%/năm x 09 tháng 5 ngày = 5.388.166 đồng, nguyên đơn yêu cầu trả lãi 5.388.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ, xét thấy tiền nợ mua bán thức ăn nuôi tôm phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ông H và bà O đều thống nhất là nợ chung của vợ chồng. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần buộc ông H và bà O liên đới trả tiền nợ mua bán cho ông Trần Quang S.

[3] Xét ý kiến của bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O:

Tại phiên toà, ông H bà O yêu cầu ông S trừ lại số tiền 10.500.000 đồng do ông bà mua tôm giống của ông Th (ông Th là nhân viên công ty T) Trước đây ông bà mua tôm giống của ông Th nhưng nuôi bị thất, khi đó ông Th có thỏa thuận khi nào nuôi tôm lỗ thì ông Th trả lại 50 % tiền tôm giống. Và ông bà yêu cầu trừ 5% chiết khấu tiền thức ăn nuôi tôm còn nợ của ông S. Sau khi trừ hai khoản trên ra còn bao nhiêu thì ông bà xin trả dần.

Xét thấy, hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm giữa ông S và ông H bà O do nguyên đơn cung cấp cho Toà án thì hai bên thoả thuận mua bán thức ăn nuôi tôm, không thoả thuận bán tôm giống. Ông H bà O cũng thừa nhận số tiền nợ 70.536.000 đồng là tiền do mua thức ăn nuôi tôm. Đại diện nguyên đơn cho rằng ông Th là nhân viên công ty có bán tôm giống cho ông H nhưng là ông Th bán riêng, không phải do ông S đại diện cho công ty T bán. Ông H bà O cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc ông Th bán tôm giống là bán cho ông S. Do vậy, việc ông H bà O yêu cầu ông Th trả tiền tôm giống xem xét trong vụ án dân sự khác khi ông H bà O có yêu cầu.

Đối với yêu cầu trừ tiền chiết khấu 5% của ông H bà O thì các bên chỉ nói miệng, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện. Đại diện nguyên đơn trình bày, ông S sẽ xem xét trừ tiền chiết khấu cho ông H bà O khi ông H bà O trả đủ tiền còn thiếu cho ông S nên yêu cầu của ông H bà O trừ tiền chiết khấu tại phiên Toà là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S đối với bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O. Buộc ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O liên đới trả cho ông Trần Quang S số tiền mua bán là 70.536.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 5.388.000 đồng, tổng cộng là 75.924.000 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Quang S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.796.200 đồng tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 288, 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O.

Buộc ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O có nghĩa vụ liên đới trả cho Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh T số tiền là 75.924.000 đồng (bảy mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng) (trong đó nợ gốc là 70.536.000 đồng, nợ lãi là 5.388.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn ông Phạm Thanh H và bà Phạm Thị O có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 3.796.200 đồng (ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.807.000 đồng (một triệu, tám trăm linh bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008265 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**4. Về việc thi hành án:** Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Mến**